

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)               | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|-------------------------|------------|---------|
| 1   | 11A1 | 1.01      | 110101 | Trần Gia Bảo Anh        | 07/09/2005 |         |
| 2   | 11A1 | 1.02      | 110102 | Nguyễn Ngọc Lan Anh     | 13/11/2005 |         |
| 3   | 11A1 | 1.01      | 110103 | Nguyễn Phan Quốc Anh    | 31/10/2005 |         |
| 4   | 11A1 | 1.02      | 110104 | Nguyễn Phan Việt Anh    | 31/10/2005 |         |
| 5   | 11A1 | 1.01      | 110105 | Phạm Thị Ngọc Ánh       | 17/08/2005 |         |
| 6   | 11A1 | 1.02      | 110106 | Giang Trạch Dân         | 17/01/2005 |         |
| 7   | 11A1 | 1.01      | 110107 | Phan Hạnh Duyên         | 25/03/2005 |         |
| 8   | 11A1 | 1.02      | 110108 | Nguyễn Phát Đạt         | 04/03/2005 |         |
| 9   | 11A1 | 1.01      | 110109 | Trịnh Nguyễn Phước Điền | 12/11/2005 |         |
| 10  | 11A1 | 1.02      | 110110 | Vũ Đức Hùng             | 06/09/2005 |         |
| 11  | 11A1 | 1.01      | 110111 | Nguyễn Lâm Gia Huy      | 12/09/2005 |         |
| 12  | 11A1 | 1.02      | 110112 | Hồ Nguyễn Quang Huy     | 08/11/2005 |         |
| 13  | 11A1 | 1.01      | 110113 | Phạm Lê Sông Hương      | 14/02/2005 |         |
| 14  | 11A1 | 1.02      | 110114 | Nguyễn Đình Tuấn Khải   | 19/03/2005 |         |
| 15  | 11A1 | 1.01      | 110115 | Đặng Văn Khanh          | 27/10/2005 |         |
| 16  | 11A1 | 1.02      | 110116 | Đồng Công Khánh         | 10/10/2005 |         |
| 17  | 11A1 | 1.01      | 110117 | Nguyễn Hữu Khánh        | 07/10/2005 |         |
| 18  | 11A1 | 1.02      | 110118 | Nguyễn Quốc Khánh       | 29/04/2005 |         |
| 19  | 11A1 | 1.01      | 110119 | Bùi Phương Minh Khuê    | 29/09/2005 |         |
| 20  | 11A1 | 1.02      | 110120 | Trần Phương Linh        | 01/08/2005 |         |
| 21  | 11A1 | 1.01      | 110121 | Đặng Mai Hoàng Long     | 17/01/2005 |         |
| 22  | 11A1 | 1.02      | 110122 | Lưu Hoàng Mai           | 10/11/2005 |         |
| 23  | 11A1 | 1.01      | 110123 | Bùi Phương Mai          | 21/11/2005 |         |
| 24  | 11A1 | 1.02      | 110124 | Lê Thị Thanh Mai        | 22/09/2005 |         |
| 25  | 11A1 | 1.01      | 110125 | Lương Gia Minh          | 28/10/2005 |         |
| 26  | 11A1 | 1.02      | 110126 | Nguyễn Gia Minh         | 12/09/2005 |         |
| 27  | 11A1 | 1.01      | 110127 | Lê Ngọc Minh            | 06/01/2005 |         |
| 28  | 11A1 | 1.02      | 110128 | Nguyễn Nhật My          | 23/09/2005 |         |
| 29  | 11A1 | 1.01      | 110129 | Nguyễn Lê Thiên Ngân    | 18/02/2005 |         |
| 30  | 11A1 | 1.02      | 110130 | Nguyễn Thị Ngọc         | 06/08/2005 |         |
| 31  | 11A1 | 1.01      | 110131 | Đỗ Minh Nhật            | 19/02/2005 |         |
| 32  | 11A1 | 1.02      | 110132 | Nguyễn Huyền Thảo Nhi   | 14/07/2005 |         |
| 33  | 11A1 | 1.01      | 110133 | Cao Thanh Phong         | 15/08/2005 |         |
| 34  | 11A1 | 1.02      | 110134 | Nguyễn Huệ Phương       | 04/05/2005 |         |
| 35  | 11A1 | 1.01      | 110135 | Nguyễn Bùi Quang        | 18/07/2005 |         |
| 36  | 11A1 | 1.02      | 110136 | Trần Anh Quân           | 03/03/2005 |         |
| 37  | 11A1 | 1.01      | 110137 | Ngô Thị Mai Quỳnh       | 10/12/2005 |         |
| 38  | 11A1 | 1.02      | 110138 | Hứa Thanh Tâm           | 14/08/2005 |         |
| 39  | 11A1 | 1.01      | 110139 | Huỳnh Nhật Tân          | 07/07/2005 |         |
| 40  | 11A1 | 1.02      | 110140 | Nguyễn Lê Hữu Thịnh     | 30/10/2005 |         |
| 41  | 11A1 | 1.01      | 110141 | Nguyễn Anh Thư          | 13/10/2005 |         |
| 42  | 11A1 | 1.02      | 110142 | Đặng Minh Thùy Trang    | 15/08/2005 |         |
| 43  | 11A1 | 1.01      | 110143 | Cao Bảo Trân            | 30/01/2005 |         |
| 44  | 11A1 | 1.02      | 110144 | Võ Phạm Ngọc Trân       | 12/02/2005 |         |
| 45  | 11A1 | 1.01      | 110145 | Nguyễn Phương Trung     | 28/07/2005 |         |
| 46  | 11A1 | 1.02      | 110146 | Đỗ Việt Duy Tường       | 10/01/2005 |         |
| 47  | 11A1 | 1.01      | 110147 | Lê Thị Thanh Vạn        | 29/03/2005 |         |
| 48  | 11A1 | 1.02      | 110148 | Nguyễn Ngọc Tường Vi    | 12/10/2005 |         |
| 49  | 11A1 | 1.01      | 110149 | Phan Nguyễn Nam Khánh   | 26/11/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)            | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 11A2 | 1.03      | 110201 | Nguyễn Hà Diệu Anh   | 10/08/2005 |         |
| 2   | 11A2 | 1.04      | 110202 | Nguyễn Phúc Duy Anh  | 06/06/2005 |         |
| 3   | 11A2 | 1.03      | 110203 | Trần Nam Anh         | 02/08/2005 |         |
| 4   | 11A2 | 1.04      | 110204 | Nguyễn Thảo Anh      | 10/11/2005 |         |
| 5   | 11A2 | 1.03      | 110205 | Thắm Nguyễn Thùy Anh | 31/07/2005 |         |
| 6   | 11A2 | 1.04      | 110206 | Thái Trần Tuấn Anh   | 07/09/2005 |         |
| 7   | 11A2 | 1.03      | 110207 | Đỗ Hoàng Bảo         | 11/02/2005 |         |
| 8   | 11A2 | 1.04      | 110208 | Hoàng Quốc Bảo       | 09/06/2005 |         |
| 9   | 11A2 | 1.03      | 110209 | Huỳnh Quốc Bảo       | 27/05/2005 |         |
| 10  | 11A2 | 1.04      | 110210 | Trịnh Vũ Thiên Bảo   | 06/10/2005 |         |
| 11  | 11A2 | 1.03      | 110211 | Đỗ Khắc Bình         | 09/01/2005 |         |
| 12  | 11A2 | 1.04      | 110212 | Nguyễn Thanh Bình    | 17/12/2005 |         |
| 13  | 11A2 | 1.03      | 110213 | Lê Đình Tú Chân      | 17/06/2005 |         |
| 14  | 11A2 | 1.04      | 110214 | Nguyễn Ngọc Mẫn Di   | 07/03/2005 |         |
| 15  | 11A2 | 1.03      | 110215 | Nguyễn Như Lâm Dũng  | 27/01/2005 |         |
| 16  | 11A2 | 1.04      | 110216 | Nguyễn Tiến Đạt      | 07/12/2005 |         |
| 17  | 11A2 | 1.03      | 110217 | Lê Anh Đức           | 16/08/2005 |         |
| 18  | 11A2 | 1.04      | 110218 | Trần Thanh Đức       | 22/01/2005 |         |
| 19  | 11A2 | 1.03      | 110219 | Nguyễn Linh Giang    | 25/09/2005 |         |
| 20  | 11A2 | 1.04      | 110220 | Bùi Phi Hoàng Hạc    | 02/11/2005 |         |
| 21  | 11A2 | 1.03      | 110221 | Ung Nho Hiền         | 05/09/2005 |         |
| 22  | 11A2 | 1.04      | 110222 | Trần Gia Huy         | 06/10/2005 |         |
| 23  | 11A2 | 1.03      | 110223 | Bùi Xuân Đức Hưng    | 15/04/2005 |         |
| 24  | 11A2 | 1.04      | 110224 | Tiền Đạt Khang       | 07/03/2005 |         |
| 25  | 11A2 | 1.03      | 110225 | Lại Phan Gia Khang   | 24/09/2005 |         |
| 26  | 11A2 | 1.04      | 110226 | Trương Minh Khang    | 14/04/2005 |         |
| 27  | 11A2 | 1.03      | 110227 | Nguyễn Phú Anh Khoa  | 08/08/2005 |         |
| 28  | 11A2 | 1.04      | 110228 | Huỳnh Đặng Đăng Khoa | 24/02/2005 |         |
| 29  | 11A2 | 1.03      | 110229 | Huỳnh Minh Khương    | 16/01/2005 |         |
| 30  | 11A2 | 1.04      | 110230 | Kiều Nguyễn Hải Linh | 17/11/2005 |         |
| 31  | 11A2 | 1.03      | 110231 | Đào Phạm Khánh Linh  | 02/09/2005 |         |
| 32  | 11A2 | 1.04      | 110232 | Hoàng Đỗ Thảo Ly     | 28/04/2005 |         |
| 33  | 11A2 | 1.03      | 110233 | Lê Hoàng Minh        | 03/08/2005 |         |
| 34  | 11A2 | 1.04      | 110234 | Hồ Tuấn Minh         | 08/06/2005 |         |
| 35  | 11A2 | 1.03      | 110235 | Lê Đức Nguyên        | 07/07/2005 |         |
| 36  | 11A2 | 1.04      | 110236 | Lương Thảo Nguyên    | 18/04/2005 |         |
| 37  | 11A2 | 1.03      | 110237 | Nguyễn Chánh Phú     | 13/09/2005 |         |
| 38  | 11A2 | 1.04      | 110238 | Nguyễn Minh Phúc     | 21/04/2005 |         |
| 39  | 11A2 | 1.03      | 110239 | Lê Đỗ Duy Quang      | 12/02/2005 |         |
| 40  | 11A2 | 1.04      | 110240 | Hồ Anh Quốc          | 13/05/2005 |         |
| 41  | 11A2 | 1.03      | 110241 | Nguyễn Như Quỳnh     | 04/10/2005 |         |
| 42  | 11A2 | 1.04      | 110242 | Võ Minh Thư          | 17/09/2005 |         |
| 43  | 11A2 | 1.03      | 110243 | Phan Thị Trang Thư   | 28/08/2005 |         |
| 44  | 11A2 | 1.04      | 110244 | Huỳnh Thị Thảo Tiên  | 24/11/2005 |         |
| 45  | 11A2 | 1.03      | 110245 | Lê Ngọc Thủy Tiên    | 16/04/2005 |         |
| 46  | 11A2 | 1.04      | 110246 | Phạm Hữu Tính        | 10/11/2005 |         |
| 47  | 11A2 | 1.03      | 110247 | Lê Giang Ngọc Trân   | 19/11/2005 |         |
| 48  | 11A2 | 1.04      | 110248 | Phan Minh Tuấn       | 22/02/2005 |         |
| 49  | 11A2 | 1.03      | 110249 | Văn Thiên Vũ         | 19/10/2005 |         |
| 50  | 11A2 | 1.04      | 110250 | Đào Nguyễn Tường Vy  | 30/05/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)             | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 11A3 | 1.05      | 110301 | Huỳnh Minh Anh        | 10/01/2005 |         |
| 2   | 11A3 | 1.06      | 110302 | Trần Nhật Phương Anh  | 26/07/2005 |         |
| 3   | 11A3 | 1.05      | 110303 | Nguyễn Quốc Anh       | 13/01/2005 |         |
| 4   | 11A3 | 1.06      | 110304 | Đào Thị Quỳnh Anh     | 18/10/2005 |         |
| 5   | 11A3 | 1.05      | 110305 | Đoàn Thực Anh         | 24/03/2005 |         |
| 6   | 11A3 | 1.06      | 110306 | Nguyễn Phạm Trâm Anh  | 05/12/2005 |         |
| 7   | 11A3 | 1.05      | 110307 | Nguyễn Tuấn Anh       | 16/06/2005 |         |
| 8   | 11A3 | 1.06      | 110308 | Nguyễn Đức Bảo        | 04/02/2005 |         |
| 9   | 11A3 | 1.05      | 110309 | Trần Nguyễn Thái Bình | 24/09/2005 |         |
| 10  | 11A3 | 1.06      | 110310 | Nguyễn Ngọc Bích Châu | 12/08/2005 |         |
| 11  | 11A3 | 1.05      | 110311 | Đồng Minh Chí         | 12/01/2005 |         |
| 12  | 11A3 | 1.06      | 110312 | Phạm Thùy Dung        | 11/01/2005 |         |
| 13  | 11A3 | 1.05      | 110313 | Nguyễn Hữu Dũng       | 12/07/2005 |         |
| 14  | 11A3 | 1.06      | 110314 | Lê Thu Hà             | 14/05/2005 |         |
| 15  | 11A3 | 1.05      | 110315 | Đặng Nguyễn Vân Hà    | 21/07/2005 |         |
| 16  | 11A3 | 1.06      | 110316 | Trần Đào Việt Hà      | 17/06/2005 |         |
| 17  | 11A3 | 1.05      | 110317 | Trần Bảo Hân          | 04/08/2005 |         |
| 18  | 11A3 | 1.06      | 110318 | Trần Duy Hoàn         | 25/05/2005 |         |
| 19  | 11A3 | 1.05      | 110319 | Nguyễn Vũ Hoàng       | 13/06/2005 |         |
| 20  | 11A3 | 1.06      | 110320 | Trương Đăng Huy       | 08/01/2005 |         |
| 21  | 11A3 | 1.05      | 110321 | Phạm Thu Huyền        | 19/02/2005 |         |
| 22  | 11A3 | 1.06      | 110322 | Nguyễn Ngọc Hưng      | 02/02/2005 |         |
| 23  | 11A3 | 1.05      | 110323 | Phạm Minh Bảo Khang   | 21/01/2005 |         |
| 24  | 11A3 | 1.06      | 110324 | Dương Hoàng Kiên      | 12/11/2005 |         |
| 25  | 11A3 | 1.05      | 110325 | Trần Tuấn Kiệt        | 16/05/2005 |         |
| 26  | 11A3 | 1.06      | 110326 | Trần Song Lam         | 12/02/2005 |         |
| 27  | 11A3 | 1.05      | 110327 | Tô Thành Long         | 29/03/2005 |         |
| 28  | 11A3 | 1.06      | 110328 | Nguyễn Vũ Long        | 21/09/2005 |         |
| 29  | 11A3 | 1.05      | 110329 | Đào Cao Quỳnh Ly      | 17/10/2005 |         |
| 30  | 11A3 | 1.06      | 110330 | Trần Nguyễn Duy Minh  | 17/09/2005 |         |
| 31  | 11A3 | 1.05      | 110331 | Phan Lê Minh          | 19/01/2005 |         |
| 32  | 11A3 | 1.06      | 110332 | Nguyễn Quang Minh     | 26/12/2005 |         |
| 33  | 11A3 | 1.05      | 110333 | Phan Nguyễn Mỹ Nhi    | 24/09/2005 |         |
| 34  | 11A3 | 1.06      | 110334 | Phạm Hoàng Phương Như | 27/12/2005 |         |
| 35  | 11A3 | 1.05      | 110335 | Nguyễn Hoàng Quân     | 15/03/2005 |         |
| 36  | 11A3 | 1.06      | 110336 | Lê Thanh Hương Quỳnh  | 13/08/2005 |         |
| 37  | 11A3 | 1.05      | 110337 | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh | 28/04/2005 |         |
| 38  | 11A3 | 1.06      | 110338 | Ngô Gia Thảo          | 11/08/2005 |         |
| 39  | 11A3 | 1.05      | 110339 | Đào Ngọc Mai Thảo     | 06/03/2005 |         |
| 40  | 11A3 | 1.06      | 110340 | Đinh Ngọc Thảo        | 02/12/2005 |         |
| 41  | 11A3 | 1.05      | 110341 | Nguyễn Minh Thư       | 04/03/2005 |         |
| 42  | 11A3 | 1.06      | 110342 | Trần Minh Thư         | 04/01/2005 |         |
| 43  | 11A3 | 1.05      | 110343 | Nguyễn Hạnh Trang     | 12/08/2005 |         |
| 44  | 11A3 | 1.06      | 110344 | Trần Thị Ngọc Trâm    | 13/06/2005 |         |
| 45  | 11A3 | 1.05      | 110345 | Lê Bảo Trân           | 25/05/2005 |         |
| 46  | 11A3 | 1.06      | 110346 | Nguyễn Anh Tuyên      | 29/10/2005 |         |
| 47  | 11A3 | 1.05      | 110347 | Tô Trần Nhã Uyên      | 02/08/2005 |         |
| 48  | 11A3 | 1.06      | 110348 | Lê Ngọc Khánh Vy      | 16/06/2005 |         |
| 49  | 11A3 | 1.05      | 110349 | Trương Triệu Vy       | 04/04/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)              | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 11A4 | 1.07      | 110401 | Nguyễn Hoàng Ngọc Anh  | 06/02/2005 |         |
| 2   | 11A4 | 1.08      | 110402 | Lê Huỳnh Tuyết Anh     | 17/02/2005 |         |
| 3   | 11A4 | 1.07      | 110403 | Nguyễn Đức Bảo         | 31/05/2005 |         |
| 4   | 11A4 | 1.08      | 110404 | Nguyễn Phạm Thanh Bình | 31/12/2005 |         |
| 5   | 11A4 | 1.07      | 110405 | Nguyễn Lê Đông Du      | 02/01/2005 |         |
| 6   | 11A4 | 1.08      | 110406 | Trần Nguyễn Bảo Duy    | 03/04/2005 |         |
| 7   | 11A4 | 1.07      | 110407 | Đỗ Minh Duy            | 16/07/2005 |         |
| 8   | 11A4 | 1.08      | 110408 | Lê Thanh Duy           | 10/05/2005 |         |
| 9   | 11A4 | 1.07      | 110409 | Nguyễn Quang Dương     | 18/04/2005 |         |
| 10  | 11A4 | 1.08      | 110410 | Trần Minh Đức          | 20/03/2005 |         |
| 11  | 11A4 | 1.07      | 110411 | Nguyễn Đức             | 12/04/2005 |         |
| 12  | 11A4 | 1.08      | 110412 | Bùi Dương Anh Hào      | 07/12/2005 |         |
| 13  | 11A4 | 1.07      | 110413 | Trần Thị Hải Hiếu      | 24/11/2005 |         |
| 14  | 11A4 | 1.08      | 110414 | Khưu Hoàng Huy         | 06/10/2005 |         |
| 15  | 11A4 | 1.07      | 110415 | Đặng Quốc Huy          | 11/11/2005 |         |
| 16  | 11A4 | 1.08      | 110416 | Trần Lê Quỳnh Hương    | 06/12/2005 |         |
| 17  | 11A4 | 1.07      | 110417 | Lê Minh Kha            | 22/12/2005 |         |
| 18  | 11A4 | 1.08      | 110418 | Nguyễn Võ Hồng Khải    | 14/03/2005 |         |
| 19  | 11A4 | 1.07      | 110419 | Nguyễn Quang Khang     | 18/05/2005 |         |
| 20  | 11A4 | 1.08      | 110420 | Nguyễn Đỗ Đăng Khoa    | 28/01/2005 |         |
| 21  | 11A4 | 1.07      | 110421 | Nguyễn Lê Chí Kiên     | 21/08/2005 |         |
| 22  | 11A4 | 1.08      | 110422 | Nguyễn Gia Cát Long    | 08/12/2005 |         |
| 23  | 11A4 | 1.07      | 110423 | Đào Hoàng Nhật Minh    | 09/11/2005 |         |
| 24  | 11A4 | 1.08      | 110424 | Bùi Nguyễn Khánh Ngân  | 15/08/2005 |         |
| 25  | 11A4 | 1.07      | 110425 | Trương Thị Kim Ngân    | 30/07/2005 |         |
| 26  | 11A4 | 1.08      | 110426 | Diệp Trần Phương Nghi  | 03/08/2005 |         |
| 27  | 11A4 | 1.07      | 110427 | Phạm Chí Nghĩa         | 03/07/2005 |         |
| 28  | 11A4 | 1.08      | 110428 | Nguyễn Lê Anh Nhật     | 31/05/2005 |         |
| 29  | 11A4 | 1.07      | 110429 | Nguyễn Trần Yến Nhi    | 30/01/2005 |         |
| 30  | 11A4 | 1.08      | 110430 | Nguyễn Ngọc Tấn Phát   | 07/06/2005 |         |
| 31  | 11A4 | 1.07      | 110431 | Nguyễn Hoàng Đạt Phi   | 02/07/2005 |         |
| 32  | 11A4 | 1.08      | 110432 | Nguyễn Thanh Phong     | 12/07/2005 |         |
| 33  | 11A4 | 1.07      | 110433 | Trần Thiên Quang       | 25/04/2005 |         |
| 34  | 11A4 | 1.08      | 110434 | Hồ Thái Sơn            | 27/06/2005 |         |
| 35  | 11A4 | 1.07      | 110435 | Tấn Duy Tân            | 26/10/2005 |         |
| 36  | 11A4 | 1.08      | 110436 | Trần Võ Hữu Thành      | 09/03/2005 |         |
| 37  | 11A4 | 1.07      | 110437 | Nguyễn Thị Bích Thùy   | 28/10/2005 |         |
| 38  | 11A4 | 1.08      | 110438 | Lê Đào Anh Thư         | 21/09/2005 |         |
| 39  | 11A4 | 1.07      | 110439 | Nguyễn Võ Anh Thư      | 24/08/2005 |         |
| 40  | 11A4 | 1.08      | 110440 | Phan Hoàng Minh Thư    | 10/11/2005 |         |
| 41  | 11A4 | 1.07      | 110441 | Nguyễn Hoàng Quế Trâm  | 11/02/2005 |         |
| 42  | 11A4 | 1.08      | 110442 | Nguyễn Lê Minh Tú      | 18/01/2005 |         |
| 43  | 11A4 | 1.07      | 110443 | Phan Thanh Tú          | 10/05/2005 |         |
| 44  | 11A4 | 1.08      | 110444 | Huỳnh Phương Uyên      | 25/02/2005 |         |
| 45  | 11A4 | 1.07      | 110445 | Nguyễn Vũ Hải Yến      | 24/08/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)              | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 11A5 | 1.09      | 110501 | Nguyễn Đỗ Hoài An      | 18/05/2005 |         |
| 2   | 11A5 | 1.10      | 110502 | Phạm Hồng An           | 03/03/2005 |         |
| 3   | 11A5 | 1.09      | 110503 | Tưởng Hương Quỳnh Anh  | 29/03/2005 |         |
| 4   | 11A5 | 1.10      | 110504 | Trần Huỳnh Tuấn Anh    | 13/05/2005 |         |
| 5   | 11A5 | 1.09      | 110505 | Trần Anna              | 24/12/2005 |         |
| 6   | 11A5 | 1.10      | 110506 | Nguyễn Hồng Ân         | 13/05/2005 |         |
| 7   | 11A5 | 1.09      | 110507 | Lê Trần Thiên Ân       | 13/12/2005 |         |
| 8   | 11A5 | 1.10      | 110508 | Lê Chí Bảo             | 10/09/2005 |         |
| 9   | 11A5 | 1.09      | 110509 | Huỳnh Nguyễn Thiên Bảo | 10/08/2005 |         |
| 10  | 11A5 | 1.10      | 110510 | Nguyễn Thị Ngọc Bích   | 27/01/2005 |         |
| 11  | 11A5 | 1.09      | 110511 | Hoàng Anh Duy          | 04/12/2005 |         |
| 12  | 11A5 | 1.10      | 110512 | Hoàng Quốc Duy         | 04/12/2005 |         |
| 13  | 11A5 | 1.09      | 110513 | Trần Phương Duyên      | 12/12/2005 |         |
| 14  | 11A5 | 1.10      | 110514 | Nguyễn Lê Thiện Đức    | 15/09/2005 |         |
| 15  | 11A5 | 1.09      | 110515 | Hồ Gia Hân             | 23/07/2005 |         |
| 16  | 11A5 | 1.10      | 110516 | Nguyễn Thị Thu Hiền    | 11/05/2005 |         |
| 17  | 11A5 | 1.09      | 110517 | Phạm Trần Trung Hiếu   | 24/11/2005 |         |
| 18  | 11A5 | 1.10      | 110518 | Phan Tấn Nhật Hoàn     | 06/06/2005 |         |
| 19  | 11A5 | 1.09      | 110519 | Đỗ Minh Hoàng          | 17/05/2005 |         |
| 20  | 11A5 | 1.10      | 110520 | Nguyễn Trần Gia Huy    | 11/07/2005 |         |
| 21  | 11A5 | 1.09      | 110521 | Ngô Minh Huy           | 02/02/2005 |         |
| 22  | 11A5 | 1.10      | 110522 | Huỳnh Quan Hưng        | 20/04/2005 |         |
| 23  | 11A5 | 1.09      | 110523 | Lưu Tuấn Khải          | 16/08/2005 |         |
| 24  | 11A5 | 1.10      | 110524 | Bùi Duy Khang          | 16/09/2005 |         |
| 25  | 11A5 | 1.09      | 110525 | Trần Nguyễn Đăng Khoa  | 25/09/2005 |         |
| 26  | 11A5 | 1.10      | 110526 | Tăng Thế Tuấn Kiệt     | 01/06/2005 |         |
| 27  | 11A5 | 1.09      | 110527 | Phạm Trần Bảo Lâm      | 23/09/2005 |         |
| 28  | 11A5 | 1.10      | 110528 | Ngô Nguyễn Diệu Linh   | 19/08/2005 |         |
| 29  | 11A5 | 1.09      | 110529 | Nguyễn Nhật Linh       | 02/01/2005 |         |
| 30  | 11A5 | 1.10      | 110530 | Nguyễn Phương Linh     | 08/02/2005 |         |
| 31  | 11A5 | 1.09      | 110531 | Lê Khả Minh            | 11/05/2005 |         |
| 32  | 11A5 | 1.10      | 110532 | Huỳnh Lê Thảo My       | 11/03/2005 |         |
| 33  | 11A5 | 1.09      | 110533 | Nguyễn Ngọc Mỹ         | 16/09/2005 |         |
| 34  | 11A5 | 1.10      | 110534 | Trương Hoàng Nam       | 19/09/2005 |         |
| 35  | 11A5 | 1.09      | 110535 | Nguyễn Khắc Minh Nhật  | 06/09/2005 |         |
| 36  | 11A5 | 1.10      | 110536 | Vũ Minh Phú            | 01/01/2005 |         |
| 37  | 11A5 | 1.09      | 110537 | Lâm Hoàng Bảo Phúc     | 23/07/2005 |         |
| 38  | 11A5 | 1.10      | 110538 | Trần Việt Quân         | 03/09/2005 |         |
| 39  | 11A5 | 1.09      | 110539 | Lê Văn Tài             | 19/05/2005 |         |
| 40  | 11A5 | 1.10      | 110540 | Lê Phan Minh Thư       | 25/11/2005 |         |
| 41  | 11A5 | 1.09      | 110541 | Phạm Võ Minh Thư       | 31/05/2005 |         |
| 42  | 11A5 | 1.10      | 110542 | Đặng Hoài Thương       | 17/04/2005 |         |
| 43  | 11A5 | 1.09      | 110543 | Trần Ngọc Trúc Vi      | 22/05/2005 |         |
| 44  | 11A5 | 1.10      | 110544 | Trần Gia Vinh          | 04/05/2005 |         |
| 45  | 11A5 | 1.09      | 110545 | Đinh Ngọc Thảo Vy      | 05/05/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)              | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 11A6 | 1.13      | 110601 | Võ Quốc An             | 14/02/2005 |         |
| 2   | 11A6 | 1.14      | 110602 | Trần Nguyễn Hoàng Anh  | 17/08/2005 |         |
| 3   | 11A6 | 1.13      | 110603 | Lâm Gia Bảo            | 04/05/2005 |         |
| 4   | 11A6 | 1.14      | 110604 | Bùi Khánh Bình         | 06/01/2005 |         |
| 5   | 11A6 | 1.13      | 110605 | Nguyễn Thái Bình       | 11/01/2005 |         |
| 6   | 11A6 | 1.14      | 110606 | Nguyễn Chấn            | 09/12/2005 |         |
| 7   | 11A6 | 1.13      | 110607 | Lê Vũ Dũng             | 26/01/2005 |         |
| 8   | 11A6 | 1.14      | 110608 | Bùi Phong Giang        | 03/08/2005 |         |
| 9   | 11A6 | 1.13      | 110609 | Võ Nam Hải             | 12/12/2005 |         |
| 10  | 11A6 | 1.14      | 110610 | Nguyễn Ngọc Hân        | 25/05/2005 |         |
| 11  | 11A6 | 1.13      | 110611 | Phạm Đức Huy Hoàng     | 19/06/2005 |         |
| 12  | 11A6 | 1.14      | 110612 | Phan Trần Huy Hoàng    | 23/02/2005 |         |
| 13  | 11A6 | 1.13      | 110613 | Lê Văn Hoàng           | 20/08/2005 |         |
| 14  | 11A6 | 1.14      | 110614 | Lê Nguyễn Khánh Huyền  | 01/10/2005 |         |
| 15  | 11A6 | 1.13      | 110615 | Châu Hồng Khanh        | 11/10/2005 |         |
| 16  | 11A6 | 1.14      | 110616 | Phạm Gia Khiêm         | 28/09/2005 |         |
| 17  | 11A6 | 1.13      | 110617 | Lê Nguyên Khôi         | 27/03/2005 |         |
| 18  | 11A6 | 1.14      | 110618 | Trương Tuấn Khôi       | 20/08/2005 |         |
| 19  | 11A6 | 1.13      | 110619 | Lê Ngọc Minh Khuê      | 13/10/2005 |         |
| 20  | 11A6 | 1.14      | 110620 | Nguyễn Hoàng Long      | 18/02/2005 |         |
| 21  | 11A6 | 1.13      | 110621 | Nguyễn Lê Phương Mai   | 03/08/2005 |         |
| 22  | 11A6 | 1.14      | 110622 | Nguyễn Thanh Mai       | 13/11/2005 |         |
| 23  | 11A6 | 1.13      | 110623 | Thiên Khánh Minh       | 12/03/2005 |         |
| 24  | 11A6 | 1.14      | 110624 | Nguyễn Võ Thảo My      | 03/10/2005 |         |
| 25  | 11A6 | 1.13      | 110625 | Lê Hoàng Khánh Ngọc    | 05/09/2005 |         |
| 26  | 11A6 | 1.14      | 110626 | Nguyễn Viết Anh Nhật   | 05/09/2005 |         |
| 27  | 11A6 | 1.13      | 110627 | Lê Hiệp Phát           | 11/04/2005 |         |
| 28  | 11A6 | 1.14      | 110628 | Đặng Thanh Phong       | 26/04/2005 |         |
| 29  | 11A6 | 1.13      | 110629 | Đoàn Duy Phú           | 12/06/2005 |         |
| 30  | 11A6 | 1.14      | 110630 | Hồ Duy Phú             | 24/06/2005 |         |
| 31  | 11A6 | 1.13      | 110631 | Nguyễn Hoàng Thiên Phú | 09/07/2005 |         |
| 32  | 11A6 | 1.14      | 110632 | Nguyễn Hoàng Phúc      | 14/02/2005 |         |
| 33  | 11A6 | 1.13      | 110633 | Nguyễn Đình Anh Quân   | 26/10/2005 |         |
| 34  | 11A6 | 1.14      | 110634 | Tổng Vỹ Thanh          | 27/12/2005 |         |
| 35  | 11A6 | 1.13      | 110635 | Nguyễn Minh Thành      | 16/05/2005 |         |
| 36  | 11A6 | 1.14      | 110636 | Bùi Thanh Thảo         | 27/07/2005 |         |
| 37  | 11A6 | 1.13      | 110637 | Lê Đức Thịnh           | 02/11/2005 |         |
| 38  | 11A6 | 1.14      | 110638 | Nguyễn Trang Thơ       | 12/12/2005 |         |
| 39  | 11A6 | 1.13      | 110639 | Phạm Lê Thư            | 15/05/2005 |         |
| 40  | 11A6 | 1.14      | 110640 | Trần Nguyễn Bảo Trâm   | 05/11/2005 |         |
| 41  | 11A6 | 1.13      | 110641 | Ngô Mạnh Tuấn          | 03/10/2005 |         |
| 42  | 11A6 | 1.14      | 110642 | Hồ Nhật Tường          | 12/05/2005 |         |
| 43  | 11A6 | 1.13      | 110643 | Phan Trần Phương Uyên  | 15/10/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)               | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|-------------------------|------------|---------|
| 1   | 11A7 | 1.15      | 110701 | Dương Lê Thùy An        | 02/05/2005 |         |
| 2   | 11A7 | 1.16      | 110702 | Đinh Vĩnh Thùy An       | 10/10/2005 |         |
| 3   | 11A7 | 1.15      | 110703 | Nguyễn Trọng An         | 25/12/2005 |         |
| 4   | 11A7 | 1.16      | 110704 | Lê Trần Gia Bảo         | 10/06/2005 |         |
| 5   | 11A7 | 1.15      | 110705 | Lê Quốc Bảo             | 09/01/2005 |         |
| 6   | 11A7 | 1.16      | 110706 | Lưu Nguyễn Mạnh Cường   | 12/05/2005 |         |
| 7   | 11A7 | 1.15      | 110707 | Tổng Mỹ Dung            | 10/05/2005 |         |
| 8   | 11A7 | 1.16      | 110708 | Nguyễn An Trần Đồng     | 26/04/2005 |         |
| 9   | 11A7 | 1.15      | 110709 | Mai Trọng Đức           | 11/03/2005 |         |
| 10  | 11A7 | 1.16      | 110710 | Trần Vũ Hoàng Giang     | 04/03/2005 |         |
| 11  | 11A7 | 1.15      | 110711 | Mã Lê Hương Giang       | 19/05/2005 |         |
| 12  | 11A7 | 1.16      | 110712 | Nguyễn Ngọc Gia Hân     | 16/01/2005 |         |
| 13  | 11A7 | 1.15      | 110713 | Lý Ngọc Hân             | 26/07/2005 |         |
| 14  | 11A7 | 1.16      | 110714 | Trần Gia Hiền           | 23/03/2005 |         |
| 15  | 11A7 | 1.15      | 110715 | Đỗ Minh Huy             | 06/11/2005 |         |
| 16  | 11A7 | 1.16      | 110716 | Nguyễn Nhật Huy         | 16/08/2005 |         |
| 17  | 11A7 | 1.15      | 110717 | Trương Phước Huy        | 21/11/2005 |         |
| 18  | 11A7 | 1.16      | 110718 | Lê Nam Hưng             | 21/06/2005 |         |
| 19  | 11A7 | 1.15      | 110719 | Trịnh Nam Khánh         | 10/03/2005 |         |
| 20  | 11A7 | 1.16      | 110720 | Nguyễn Phi Khánh        | 25/10/2005 |         |
| 21  | 11A7 | 1.15      | 110721 | Đặng Xuân Kiên          | 16/03/2005 |         |
| 22  | 11A7 | 1.16      | 110722 | Nguyễn Đặng Xuân Kiều   | 27/04/2005 |         |
| 23  | 11A7 | 1.15      | 110723 | Trần Anh Minh           | 05/05/2005 |         |
| 24  | 11A7 | 1.16      | 110724 | Nguyễn Đình Hoài Nam    | 05/04/2005 |         |
| 25  | 11A7 | 1.15      | 110725 | Nguyễn Thanh Nhân       | 17/08/2005 |         |
| 26  | 11A7 | 1.16      | 110726 | Bùi Nguyễn Trung Nhân   | 11/11/2005 |         |
| 27  | 11A7 | 1.15      | 110727 | Đỗ Nguyễn Uyên Nhi      | 18/01/2005 |         |
| 28  | 11A7 | 1.16      | 110728 | Cao Hoài Yến Nhi        | 12/03/2005 |         |
| 29  | 11A7 | 1.15      | 110729 | Nguyễn Tố Quỳnh Như     | 24/03/2005 |         |
| 30  | 11A7 | 1.16      | 110730 | Lê Hoàng Phúc           | 27/07/2005 |         |
| 31  | 11A7 | 1.15      | 110731 | Đặng Anh Phương         | 12/06/2005 |         |
| 32  | 11A7 | 1.16      | 110732 | Lê Hồng Quân            | 21/03/2005 |         |
| 33  | 11A7 | 1.15      | 110733 | Phan Nguyễn Thanh Quân  | 14/11/2005 |         |
| 34  | 11A7 | 1.16      | 110734 | Nguyễn Văn Chí Tài      | 23/12/2005 |         |
| 35  | 11A7 | 1.15      | 110735 | Ngô Thị Thu Thủy        | 05/08/2005 |         |
| 36  | 11A7 | 1.16      | 110736 | Trần Lâm Minh Thư       | 15/11/2005 |         |
| 37  | 11A7 | 1.15      | 110737 | Nhan Huỳnh Tiến         | 07/03/2005 |         |
| 38  | 11A7 | 1.16      | 110738 | Nguyễn Đặng Huyền Trang | 23/09/2005 |         |
| 39  | 11A7 | 1.15      | 110739 | Nguyễn Thị Kiều Trang   | 31/03/2005 |         |
| 40  | 11A7 | 1.16      | 110740 | Phan Đoàn Mỹ Trân       | 28/05/2005 |         |
| 41  | 11A7 | 1.15      | 110741 | Nguyễn Đức Trung        | 03/07/2005 |         |
| 42  | 11A7 | 1.16      | 110742 | Nguyễn Trần Khánh Vân   | 15/05/2005 |         |
| 43  | 11A7 | 1.15      | 110743 | Trần Hoàng Vy           | 13/02/2005 |         |
| 44  | 11A7 | 1.16      | 110744 | Trần Công Nam           | 23/05/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)              | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 11A8 | 1.17      | 110801 | Phan Ngọc Anh          | 26/07/2005 |         |
| 2   | 11A8 | 1.18      | 110802 | Phan Phương Anh        | 26/07/2005 |         |
| 3   | 11A8 | 1.17      | 110803 | Trần Thế Anh           | 26/08/2005 |         |
| 4   | 11A8 | 1.18      | 110804 | Hoàng Gia Bảo          | 13/01/2005 |         |
| 5   | 11A8 | 1.17      | 110805 | Huỳnh Gia Bảo          | 08/04/2005 |         |
| 6   | 11A8 | 1.18      | 110806 | Lâm Quỳnh Châu         | 29/10/2005 |         |
| 7   | 11A8 | 1.17      | 110807 | Lê Nhật Cường          | 31/01/2005 |         |
| 8   | 11A8 | 1.18      | 110808 | Nguyễn Khánh Duy       | 17/11/2005 |         |
| 9   | 11A8 | 1.17      | 110809 | Nguyễn Lê Tùng Dương   | 28/08/2005 |         |
| 10  | 11A8 | 1.18      | 110810 | Trần Quốc Đạt          | 16/05/2005 |         |
| 11  | 11A8 | 1.17      | 110811 | Lê Bảo Đăng            | 30/03/2005 |         |
| 12  | 11A8 | 1.18      | 110812 | Nguyễn Ngọc Hải        | 27/10/2005 |         |
| 13  | 11A8 | 1.17      | 110813 | Lê Thị Minh Hằng       | 29/12/2004 |         |
| 14  | 11A8 | 1.18      | 110814 | Cao Gia Hân            | 08/04/2005 |         |
| 15  | 11A8 | 1.17      | 110815 | Nguyễn Đức Gia Huy     | 02/08/2005 |         |
| 16  | 11A8 | 1.18      | 110816 | Võ Đoàn Minh Khang     | 28/03/2005 |         |
| 17  | 11A8 | 1.17      | 110817 | Cao Đăng Khoa          | 29/06/2005 |         |
| 18  | 11A8 | 1.18      | 110818 | Nguyễn Anh Khôi        | 25/06/2005 |         |
| 19  | 11A8 | 1.17      | 110819 | Đặng Hồ Hoàn Kim       | 22/03/2005 |         |
| 20  | 11A8 | 1.18      | 110820 | Lê Thị Thùy Linh       | 20/12/2005 |         |
| 21  | 11A8 | 1.17      | 110821 | Cao Nguyễn Xuân Mai    | 27/03/2005 |         |
| 22  | 11A8 | 1.18      | 110822 | Huỳnh Phương Nghi      | 29/10/2005 |         |
| 23  | 11A8 | 1.17      | 110823 | Trần Phúc Nguyên       | 12/01/2005 |         |
| 24  | 11A8 | 1.18      | 110824 | Lê Vũ Minh Nhật        | 12/04/2005 |         |
| 25  | 11A8 | 1.17      | 110825 | Trần Lê Quỳnh Như      | 13/11/2005 |         |
| 26  | 11A8 | 1.18      | 110826 | Nguyễn Tuyết Như       | 10/11/2005 |         |
| 27  | 11A8 | 1.17      | 110827 | Trương Lê Tấn Phát     | 13/06/2005 |         |
| 28  | 11A8 | 1.18      | 110828 | Lê Nguyễn Thiên Phúc   | 10/01/2005 |         |
| 29  | 11A8 | 1.17      | 110829 | Đỗ Phan Kim Phượng     | 10/05/2005 |         |
| 30  | 11A8 | 1.18      | 110830 | Huỳnh Minh Tâm         | 08/01/2005 |         |
| 31  | 11A8 | 1.17      | 110831 | Trịnh Minh Tân         | 05/10/2005 |         |
| 32  | 11A8 | 1.18      | 110832 | Giảng Nhật Tân         | 30/09/2005 |         |
| 33  | 11A8 | 1.17      | 110833 | Phạm Hoàng Bảo Thái    | 20/08/2005 |         |
| 34  | 11A8 | 1.18      | 110834 | Trần Bá Thành          | 27/01/2005 |         |
| 35  | 11A8 | 1.17      | 110835 | Nguyễn Đào Mai Thi     | 23/05/2005 |         |
| 36  | 11A8 | 1.18      | 110836 | Võ Minh Thịnh          | 09/06/2005 |         |
| 37  | 11A8 | 1.17      | 110837 | Phan Đỗ Hoàng Thông    | 29/11/2005 |         |
| 38  | 11A8 | 1.18      | 110838 | Lê Anh Thư             | 06/01/2005 |         |
| 39  | 11A8 | 1.17      | 110839 | Phạm Minh Thư          | 07/01/2005 |         |
| 40  | 11A8 | 1.18      | 110840 | Nguyễn Ngọc Tín        | 07/01/2005 |         |
| 41  | 11A8 | 1.17      | 110841 | Trần Ngọc Phương Tuyền | 16/02/2005 |         |
| 42  | 11A8 | 1.18      | 110842 | Nguyễn Tôn Khai Uy     | 28/08/2005 |         |
| 43  | 11A8 | 1.17      | 110843 | Võ Thanh Văn           | 26/09/2005 |         |
| 44  | 11A8 | 1.18      | 110844 | Lâm Hải Yến            | 22/04/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)               | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|-------------------------|------------|---------|
| 1   | 11B1 | 2.01      | 110901 | Lê Nguyễn Thùy An       | 27/10/2005 |         |
| 2   | 11B1 | 2.02      | 110902 | Nguyễn Phan Hồng Anh    | 31/03/2005 |         |
| 3   | 11B1 | 2.01      | 110903 | Lê Nguyễn Tú Anh        | 23/05/2005 |         |
| 4   | 11B1 | 2.02      | 110904 | Vương Vũ Văn Anh        | 02/01/2005 |         |
| 5   | 11B1 | 2.01      | 110905 | Nguyễn Thành Khang Bảo  | 19/03/2005 |         |
| 6   | 11B1 | 2.02      | 110906 | Trần Lê Quốc Bảo        | 21/02/2005 |         |
| 7   | 11B1 | 2.01      | 110907 | Nguyễn Đình Dũng        | 03/06/2005 |         |
| 8   | 11B1 | 2.02      | 110908 | Bùi Huy Minh Đạt        | 02/06/2005 |         |
| 9   | 11B1 | 2.01      | 110909 | Dương Lâm Khánh Đăng    | 28/01/2005 |         |
| 10  | 11B1 | 2.02      | 110910 | Nguyễn Anh Đức          | 11/03/2005 |         |
| 11  | 11B1 | 2.01      | 110911 | Trương Phạm Ngọc Hân    | 18/03/2005 |         |
| 12  | 11B1 | 2.02      | 110912 | Nguyễn Thảo Hân         | 14/10/2005 |         |
| 13  | 11B1 | 2.01      | 110913 | Lê Huỳnh Thanh Hoài     | 18/03/2005 |         |
| 14  | 11B1 | 2.02      | 110914 | Nguyễn Nhất Huy         | 31/07/2005 |         |
| 15  | 11B1 | 2.01      | 110915 | Lê Ngọc Khanh           | 04/12/2005 |         |
| 16  | 11B1 | 2.02      | 110916 | Nguyễn Hà Anh Khoa      | 17/02/2005 |         |
| 17  | 11B1 | 2.01      | 110917 | Phạm Kim Khuê           | 30/10/2005 |         |
| 18  | 11B1 | 2.02      | 110918 | Nguyễn Thị Hương Linh   | 12/07/2005 |         |
| 19  | 11B1 | 2.01      | 110919 | Võ Nhật Quỳnh Mai       | 02/07/2005 |         |
| 20  | 11B1 | 2.02      | 110920 | Trần Lê Hoàng Minh      | 22/02/2005 |         |
| 21  | 11B1 | 2.01      | 110921 | Nguyễn Hoàng Minh       | 13/08/2005 |         |
| 22  | 11B1 | 2.02      | 110922 | Trần Bảo Nghi           | 21/08/2005 |         |
| 23  | 11B1 | 2.01      | 110923 | Bùi Ngọc Yến Nhi        | 22/06/2005 |         |
| 24  | 11B1 | 2.02      | 110924 | Trần Thị Yến Nhi        | 12/02/2005 |         |
| 25  | 11B1 | 2.01      | 110925 | Hà Huỳnh Như            | 26/05/2005 |         |
| 26  | 11B1 | 2.02      | 110926 | Lê Phạm Quỳnh Như       | 29/08/2005 |         |
| 27  | 11B1 | 2.01      | 110927 | Lê Trần Kim Phụng       | 13/04/2005 |         |
| 28  | 11B1 | 2.02      | 110928 | Trần Trúc Quỳnh         | 07/01/2005 |         |
| 29  | 11B1 | 2.01      | 110929 | Văn San San             | 24/12/2005 |         |
| 30  | 11B1 | 2.02      | 110930 | Nguyễn Thụy Ngọc Thanh  | 04/07/2005 |         |
| 31  | 11B1 | 2.01      | 110931 | Nguyễn Văn Thiên        | 04/01/2005 |         |
| 32  | 11B1 | 2.02      | 110932 | Võ Dương Minh Thiện     | 09/09/2005 |         |
| 33  | 11B1 | 2.01      | 110933 | Phạm Trương Phương Thùy | 24/07/2005 |         |
| 34  | 11B1 | 2.02      | 110934 | Nguyễn Minh Thư         | 13/12/2005 |         |
| 35  | 11B1 | 2.01      | 110935 | Phạm Đoàn Phương Trang  | 15/03/2005 |         |
| 36  | 11B1 | 2.02      | 110936 | Đặng Ngọc Quỳnh Trâm    | 23/10/2005 |         |
| 37  | 11B1 | 2.01      | 110937 | Nguyễn Ngô Minh Trí     | 06/03/2005 |         |
| 38  | 11B1 | 2.02      | 110938 | Khưu Lê Mai Trinh       | 18/03/2005 |         |
| 39  | 11B1 | 2.01      | 110939 | Nguyễn Lưu Thanh Trinh  | 22/01/2005 |         |
| 40  | 11B1 | 2.02      | 110940 | Nguyễn Việt Tú          | 20/06/2005 |         |
| 41  | 11B1 | 2.01      | 110941 | Trần Huỳnh Thảo Vân     | 11/10/2005 |         |
| 42  | 11B1 | 2.02      | 110942 | Nguyễn Lê Tường Vy      | 21/06/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)              | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 11B2 | 2.03      | 111001 | Trần Nguyễn Minh Anh   | 20/02/2005 |         |
| 2   | 11B2 | 2.04      | 111002 | Nguyễn Hà Vân Anh      | 18/08/2005 |         |
| 3   | 11B2 | 2.03      | 111003 | Trần Phương Hồng Ân    | 11/06/2005 |         |
| 4   | 11B2 | 2.04      | 111004 | Nguyễn Ngọc Kim Dung   | 29/04/2005 |         |
| 5   | 11B2 | 2.03      | 111005 | Long Nguyễn Kỳ Duyên   | 11/12/2005 |         |
| 6   | 11B2 | 2.04      | 111006 | Đinh Thị Ánh Dương     | 09/02/2005 |         |
| 7   | 11B2 | 2.03      | 111007 | Phạm Đỗ Thành Đạt      | 14/07/2005 |         |
| 8   | 11B2 | 2.04      | 111008 | Nguyễn Trần Hồng Đức   | 01/01/2005 |         |
| 9   | 11B2 | 2.03      | 111009 | Nguyễn Thanh Đức       | 02/01/2005 |         |
| 10  | 11B2 | 2.04      | 111010 | Nguyễn Lê Hoàng Gia    | 21/08/2005 |         |
| 11  | 11B2 | 2.03      | 111011 | Hoàng Ngọc Hà Giang    | 27/09/2005 |         |
| 12  | 11B2 | 2.04      | 111012 | Đoàn Gia Hân           | 05/10/2005 |         |
| 13  | 11B2 | 2.03      | 111013 | Huỳnh Phạm Gia Hân     | 01/05/2005 |         |
| 14  | 11B2 | 2.04      | 111014 | Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân  | 17/10/2005 |         |
| 15  | 11B2 | 2.03      | 111015 | Vũ Minh Hiếu           | 17/05/2005 |         |
| 16  | 11B2 | 2.04      | 111016 | Phạm Đình Trần Hiệu    | 08/10/2005 |         |
| 17  | 11B2 | 2.03      | 111017 | Phan Hoàng Minh Hương  | 15/09/2005 |         |
| 18  | 11B2 | 2.04      | 111018 | Mai Phạm Duy Khánh     | 21/04/2005 |         |
| 19  | 11B2 | 2.03      | 111019 | Nguyễn Đăng Khoa       | 29/09/2005 |         |
| 20  | 11B2 | 2.04      | 111020 | Huỳnh Trung Kiên       | 18/03/2005 |         |
| 21  | 11B2 | 2.03      | 111021 | Mai Thư Kỳ             | 02/11/2005 |         |
| 22  | 11B2 | 2.04      | 111022 | Nguyễn Trần Khánh Linh | 01/08/2005 |         |
| 23  | 11B2 | 2.03      | 111023 | Đặng Ngọc Linh         | 07/11/2005 |         |
| 24  | 11B2 | 2.04      | 111024 | Tô Nguyễn Trúc Linh    | 16/03/2005 |         |
| 25  | 11B2 | 2.03      | 111025 | Bùi Tường Linh         | 18/09/2005 |         |
| 26  | 11B2 | 2.04      | 111026 | Phạm Lê Bình Minh      | 01/06/2005 |         |
| 27  | 11B2 | 2.03      | 111027 | Nguyễn Nhật Minh       | 20/10/2005 |         |
| 28  | 11B2 | 2.04      | 111028 | Trần Bảo Ngọc          | 16/03/2005 |         |
| 29  | 11B2 | 2.03      | 111029 | Trần Vũ Minh Ngọc      | 05/08/2005 |         |
| 30  | 11B2 | 2.04      | 111030 | Đỗ Trung Nguyên        | 10/04/2005 |         |
| 31  | 11B2 | 2.03      | 111031 | Phùng Thu Nhân         | 19/07/2005 |         |
| 32  | 11B2 | 2.04      | 111032 | Đặng Nguyễn Lan Nhi    | 17/03/2005 |         |
| 33  | 11B2 | 2.03      | 111033 | Nguyễn Đình Phú        | 14/04/2005 |         |
| 34  | 11B2 | 2.04      | 111034 | Lê Nguyễn Thùy Phương  | 01/01/2005 |         |
| 35  | 11B2 | 2.03      | 111035 | Thành Nữ Uyên Phương   | 10/04/2005 |         |
| 36  | 11B2 | 2.04      | 111036 | Nguyễn Trần Duy Thông  | 07/01/2005 |         |
| 37  | 11B2 | 2.03      | 111037 | Cao Thị Minh Thùy      | 10/03/2005 |         |
| 38  | 11B2 | 2.04      | 111038 | Bùi Thị Anh Thư        | 11/08/2005 |         |
| 39  | 11B2 | 2.03      | 111039 | Vũ Ngọc Minh Thư       | 14/06/2005 |         |
| 40  | 11B2 | 2.04      | 111040 | Đỗ Thị Mai Thy         | 06/12/2005 |         |
| 41  | 11B2 | 2.03      | 111041 | Lê Hoàng Thanh Trúc    | 05/01/2005 |         |
| 42  | 11B2 | 2.04      | 111042 | Lê Quốc Trung          | 17/08/2005 |         |
| 43  | 11B2 | 2.03      | 111043 | Bùi Minh Tuấn          | 10/02/2005 |         |
| 44  | 11B2 | 2.04      | 111044 | Nguyễn Ngọc Thanh Vân  | 17/01/2005 |         |
| 45  | 11B2 | 2.03      | 111045 | Phạm Nguyễn Tường Vy   | 02/06/2005 |         |
| 46  | 11B2 | 2.04      | 111046 | Lê Nhật Mỹ Xuân        | 31/03/2005 |         |
| 47  | 11B2 | 2.03      | 111047 | Nguyễn Thị Kim Yến     | 07/05/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)              | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 11CA | 2.05      | 111101 | Nguyễn Đoàn Lê Khả Ái  | 14/01/2005 |         |
| 2   | 11CA | 2.05      | 111102 | Hoàng Lê Thiên Ái      | 17/03/2005 |         |
| 3   | 11CA | 2.05      | 111103 | Nguyễn Ngọc Bình An    | 09/03/2005 |         |
| 4   | 11CA | 2.05      | 111104 | Nguyễn Trần Bảo Anh    | 08/04/2005 |         |
| 5   | 11CA | 2.05      | 111105 | Vũ Ngọc Anh            | 21/12/2005 |         |
| 6   | 11CA | 2.05      | 111106 | Nguyễn Trần Bảo Duy    | 08/04/2005 |         |
| 7   | 11CA | 2.05      | 111107 | Lê Anh Đức             | 17/05/2005 |         |
| 8   | 11CA | 2.05      | 111108 | Nguyễn Văn Giang       | 08/01/2005 |         |
| 9   | 11CA | 2.05      | 111109 | Nguyễn Gia Huy         | 06/09/2005 |         |
| 10  | 11CA | 2.05      | 111110 | Lê Thị Thu Hương       | 29/06/2005 |         |
| 11  | 11CA | 2.05      | 111111 | Nguyễn Nhật Khang      | 13/01/2005 |         |
| 12  | 11CA | 2.05      | 111112 | Trần Ngọc Khánh        | 14/10/2005 |         |
| 13  | 11CA | 2.05      | 111113 | Phan Nguyễn Ngọc Lan   | 27/11/2005 |         |
| 14  | 11CA | 2.05      | 111114 | Vũ Thiên Lộc           | 24/02/2005 |         |
| 15  | 11CA | 2.05      | 111115 | Nguyễn Hoàng Minh      | 23/06/2005 |         |
| 16  | 11CA | 2.05      | 111116 | Nguyễn Ngọc Ái My      | 03/11/2005 |         |
| 17  | 11CA | 2.05      | 111117 | Nguyễn Ngọc Khánh Ngân | 20/06/2005 |         |
| 18  | 11CA | 2.05      | 111118 | Phạm Ngọc Thanh Ngân   | 22/04/2005 |         |
| 19  | 11CA | 2.05      | 111119 | Lê Ngọc Phương Nghi    | 17/07/2005 |         |
| 20  | 11CA | 2.05      | 111120 | Cao Bích Ngọc          | 20/01/2005 |         |
| 21  | 11CA | 2.05      | 111121 | Lê Nguyễn Thảo Ngọc    | 13/10/2005 |         |
| 22  | 11CA | 2.05      | 111122 | Nguyễn Thảo Nguyên     | 29/11/2005 |         |
| 23  | 11CA | 2.05      | 111123 | Vũ Hoàng Nhân          | 17/03/2005 |         |
| 24  | 11CA | 2.05      | 111124 | Phạm Chí Bảo Ninh      | 25/05/2005 |         |
| 25  | 11CA | 2.05      | 111125 | Trần Thị Mai Oanh      | 13/05/2005 |         |
| 26  | 11CA | 2.05      | 111126 | Nguyễn Vũ Anh Quân     | 04/04/2005 |         |
| 27  | 11CA | 2.05      | 111127 | Vũ Phan Minh Thư       | 13/06/2005 |         |
| 28  | 11CA | 2.05      | 111128 | Bùi Trần Mai Thy       | 09/11/2005 |         |
| 29  | 11CA | 2.05      | 111129 | Nguyễn Ngọc Bích Trâm  | 11/01/2005 |         |
| 30  | 11CA | 2.05      | 111130 | Nguyễn Vũ Chí Tùng     | 19/06/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)             | Ngày sinh  | Ghi chú  |
|-----|------|-----------|--------|-----------------------|------------|----------|
| 1   | 11CT | 2.06      | 111201 | Nguyễn Trường An      | 23/04/2005 |          |
| 2   | 11CT | 2.06      | 111202 | Phạm Hoàng Anh        | 19/02/2005 |          |
| 3   | 11CT | 2.06      | 111203 | Ngô Thị Ngọc Ánh      | 05/02/2005 |          |
| 4   | 11CT | 2.06      | 111204 | Lê Thiện Ân           | 19/06/2005 |          |
| 5   | 11CT | 2.06      | 111205 | Nguyễn Võ Thiên Bảo   | 01/05/2005 |          |
| 6   | 11CT | 2.06      | 111206 | Phạm Nguyễn Hòa Bình  | 06/05/2005 |          |
| 7   | 11CT | 2.06      | 111207 | Lâm Thị Thùy Dương    | 09/05/2005 |          |
| 8   | 11CT | 2.06      | 111208 | Huỳnh Công Đạt        | 14/12/2005 |          |
| 9   | 11CT | 2.06      | 111209 | Đỗ Thành Đạt          | 21/03/2005 | Thôi học |
| 10  | 11CT | 2.06      | 111210 | Bùi Hải Đăng          | 20/04/2005 |          |
| 11  | 11CT | 2.06      | 111211 | Đinh Thị Hải Hà       | 27/09/2005 |          |
| 12  | 11CT | 2.06      | 111212 | Nguyễn Thành Huy      | 02/10/2005 |          |
| 13  | 11CT | 2.06      | 111213 | Phan Vũ Đăng Khoa     | 11/03/2005 |          |
| 14  | 11CT | 2.06      | 111214 | Nguyễn Trục Kiên      | 19/09/2005 |          |
| 15  | 11CT | 2.06      | 111215 | Nguyễn Văn Kiên       | 31/01/2005 |          |
| 16  | 11CT | 2.06      | 111216 | Nguyễn Quang Lập      | 10/09/2005 |          |
| 17  | 11CT | 2.06      | 111217 | Trịnh Duy Nghiêm      | 20/09/2005 |          |
| 18  | 11CT | 2.06      | 111218 | Ngô Vũ Thiện Nhân     | 28/08/2005 |          |
| 19  | 11CT | 2.06      | 111219 | Trịnh Trọng Nhân      | 10/03/2005 |          |
| 20  | 11CT | 2.06      | 111220 | Vũ Hồng Phú           | 24/01/2005 |          |
| 21  | 11CT | 2.06      | 111221 | Nguyễn Thiện Phước    | 20/07/2005 |          |
| 22  | 11CT | 2.06      | 111222 | Lê Viết Duy Tân       | 02/04/2005 |          |
| 23  | 11CT | 2.06      | 111223 | Nguyễn Công Thành     | 16/06/2005 |          |
| 24  | 11CT | 2.06      | 111224 | Trần Minh Thiện       | 18/07/2005 |          |
| 25  | 11CT | 2.06      | 111225 | Nguyễn Đoàn Xuân Thu  | 04/05/2005 |          |
| 26  | 11CT | 2.06      | 111226 | Nguyễn Lý Tân Thuận   | 25/07/2005 |          |
| 27  | 11CT | 2.06      | 111227 | Nguyễn Đức Tiến       | 16/07/2005 |          |
| 28  | 11CT | 2.06      | 111228 | Bùi Nguyễn Quang Tuấn | 02/01/2005 |          |
| 29  | 11CT | 2.06      | 111229 | Nguyễn Hà Thúy Uyên   | 19/05/2005 |          |
| 30  | 11CT | 2.06      | 111230 | Võ Thành Vinh         | 24/01/2005 |          |
| 31  | 11CT | 2.06      | 111231 | Trần Nguyễn Tường Vy  | 05/11/2005 |          |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)                | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|--------------------------|------------|---------|
| 1   | 11CV | 2.07      | 111301 | Nguyễn Phạm Lan Anh      | 26/08/2005 |         |
| 2   | 11CV | 2.07      | 111302 | Trần Thị Minh Anh        | 29/03/2005 |         |
| 3   | 11CV | 2.07      | 111303 | Hoàng Thị Vân Anh        | 09/02/2005 |         |
| 4   | 11CV | 2.07      | 111304 | Phùng Kim Châu           | 15/09/2005 |         |
| 5   | 11CV | 2.07      | 111305 | Nguyễn Thị Mỹ Chi        | 12/01/2005 |         |
| 6   | 11CV | 2.07      | 111306 | Nguyễn Thùy Dung         | 27/07/2005 |         |
| 7   | 11CV | 2.07      | 111307 | Phạm Thùy Dương          | 08/12/2005 |         |
| 8   | 11CV | 2.07      | 111308 | Bùi Bích Hà              | 11/10/2005 |         |
| 9   | 11CV | 2.07      | 111309 | Nguyễn Lê Minh Hằng      | 08/09/2005 |         |
| 10  | 11CV | 2.07      | 111310 | Nguyễn Ngọc Gia Hân      | 29/03/2005 |         |
| 11  | 11CV | 2.07      | 111311 | Đặng Ngọc Loan           | 03/06/2005 |         |
| 12  | 11CV | 2.07      | 111312 | Nguyễn Ái My             | 09/10/2005 |         |
| 13  | 11CV | 2.07      | 111313 | Lưu Nguyễn Hoàng Ngân    | 20/12/2005 |         |
| 14  | 11CV | 2.07      | 111314 | Võ Thanh Ngân            | 12/06/2005 |         |
| 15  | 11CV | 2.07      | 111315 | Nguyễn Ánh Ngọc          | 23/07/2005 |         |
| 16  | 11CV | 2.07      | 111316 | Nguyễn Lương Thảo Nguyên | 31/01/2005 |         |
| 17  | 11CV | 2.07      | 111317 | Nguyễn Trần Hoàng Nhi    | 24/12/2005 |         |
| 18  | 11CV | 2.07      | 111318 | Lê Viết Nam Phương       | 01/01/2005 |         |
| 19  | 11CV | 2.07      | 111319 | Trần Huỳnh Ngọc Tâm      | 10/10/2005 |         |
| 20  | 11CV | 2.07      | 111320 | Lê Phương Thảo           | 28/11/2005 |         |
| 21  | 11CV | 2.07      | 111321 | Trần Tâm Thảo            | 30/03/2005 |         |
| 22  | 11CV | 2.07      | 111322 | Phạm Hồng Uyên Thảo      | 15/08/2005 |         |
| 23  | 11CV | 2.07      | 111323 | Nguyễn Xuân Thuy         | 15/03/2005 |         |
| 24  | 11CV | 2.07      | 111324 | Bùi Mai Anh Thư          | 03/11/2005 |         |
| 25  | 11CV | 2.07      | 111325 | Huỳnh Ngọc Tuấn          | 10/11/2005 |         |
| 26  | 11CV | 2.07      | 111326 | Đinh Hoàng Thảo Uyên     | 28/09/2005 |         |
| 27  | 11CV | 2.07      | 111327 | Nguyễn Thị Thu Uyên      | 05/08/2005 |         |
| 28  | 11CV | 2.07      | 111328 | Vũ Dương Thúy Vy         | 16/02/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)               | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|-------------------------|------------|---------|
| 1   | 11D1 | 2.08      | 111401 | Trần Nguyễn Hoàng Anh   | 24/01/2005 |         |
| 2   | 11D1 | 2.09      | 111402 | Trần Ngọc Phương Anh    | 27/01/2005 |         |
| 3   | 11D1 | 2.08      | 111403 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh   | 23/02/2005 |         |
| 4   | 11D1 | 2.09      | 111404 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh   | 29/10/2005 |         |
| 5   | 11D1 | 2.08      | 111405 | Hà Huỳnh Vân Anh        | 13/06/2005 |         |
| 6   | 11D1 | 2.09      | 111406 | Nguyễn Thụy Vân Anh     | 08/02/2005 |         |
| 7   | 11D1 | 2.08      | 111407 | Nguyễn Phạm Xuân Ánh    | 17/08/2005 |         |
| 8   | 11D1 | 2.09      | 111408 | Hồ Bùi Bảo Bình         | 09/07/2005 |         |
| 9   | 11D1 | 2.08      | 111409 | Nguyễn Khánh Chi        | 17/09/2005 |         |
| 10  | 11D1 | 2.09      | 111410 | Lê Nguyễn Quỳnh Dao     | 22/02/2005 |         |
| 11  | 11D1 | 2.08      | 111411 | Phan Hương Giang        | 13/05/2005 |         |
| 12  | 11D1 | 2.09      | 111412 | Nguyễn Đỗ Bảo Hân       | 26/12/2005 |         |
| 13  | 11D1 | 2.08      | 111413 | Hồ Gia Hân              | 20/04/2005 |         |
| 14  | 11D1 | 2.09      | 111414 | Hoàng Ngọc Hân          | 09/07/2005 |         |
| 15  | 11D1 | 2.08      | 111415 | Trần Lê Ngọc Hân        | 01/01/2005 |         |
| 16  | 11D1 | 2.09      | 111416 | Lê An Hòa               | 26/02/2005 |         |
| 17  | 11D1 | 2.08      | 111417 | Nguyễn Ngọc Huyền       | 01/04/2005 |         |
| 18  | 11D1 | 2.09      | 111418 | Nguyễn Hoàng Ngọc Khánh | 17/05/2005 |         |
| 19  | 11D1 | 2.08      | 111419 | Nguyễn Ngọc Hoàng Lan   | 24/04/2005 |         |
| 20  | 11D1 | 2.09      | 111420 | Phạm Thị Khánh Linh     | 10/11/2005 |         |
| 21  | 11D1 | 2.08      | 111421 | Trần Liễu Triệu Mẫn     | 17/09/2005 |         |
| 22  | 11D1 | 2.09      | 111422 | Phạm Bình Minh          | 02/08/2005 |         |
| 23  | 11D1 | 2.08      | 111423 | Đỗ Hoàng Nam            | 07/08/2005 |         |
| 24  | 11D1 | 2.09      | 111424 | Phạm Thị Kim Ngân       | 03/06/2005 |         |
| 25  | 11D1 | 2.08      | 111425 | Trần Vĩnh Nghi          | 08/07/2005 |         |
| 26  | 11D1 | 2.09      | 111426 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc     | 06/01/2005 |         |
| 27  | 11D1 | 2.08      | 111427 | Dương Khánh Ngọc        | 09/05/2005 |         |
| 28  | 11D1 | 2.09      | 111428 | Lê Mỹ Khánh Ngọc        | 20/09/2005 |         |
| 29  | 11D1 | 2.08      | 111429 | Phạm Đăng Minh Ngọc     | 25/01/2005 |         |
| 30  | 11D1 | 2.09      | 111430 | Vũ Hoàng Thủy Nguyên    | 16/04/2005 |         |
| 31  | 11D1 | 2.08      | 111431 | Lê Phương Nhi           | 11/05/2005 |         |
| 32  | 11D1 | 2.09      | 111432 | Nguyễn Minh Phương      | 26/11/2005 |         |
| 33  | 11D1 | 2.08      | 111433 | Nguyễn Minh Phương      | 26/12/2005 |         |
| 34  | 11D1 | 2.09      | 111434 | Nguyễn Ngọc Uyên Phương | 09/10/2005 |         |
| 35  | 11D1 | 2.08      | 111435 | Lê Thanh Tâm            | 03/06/2005 |         |
| 36  | 11D1 | 2.09      | 111436 | Nguyễn Hồ Thanh Thảo    | 09/09/2005 |         |
| 37  | 11D1 | 2.08      | 111437 | Võ Hoàng Vương Thảo     | 24/05/2003 |         |
| 38  | 11D1 | 2.09      | 111438 | Nguyễn Trần Minh Thư    | 14/04/2005 |         |
| 39  | 11D1 | 2.08      | 111439 | Trần Thủy Tiên          | 03/08/2005 |         |
| 40  | 11D1 | 2.09      | 111440 | Huỳnh Nhật Tường Vy     | 02/04/2005 |         |
| 41  | 11D1 | 2.08      | 111441 | Phạm Nguyễn Hải Yến     | 19/01/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)              | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 11D2 | 2.10      | 111501 | Nguyễn Đức Minh Anh    | 27/05/2005 |         |
| 2   | 11D2 | 2.11      | 111502 | Phạm Nguyễn Nam Anh    | 11/01/2005 |         |
| 3   | 11D2 | 2.10      | 111503 | Nguyễn Ngọc Vân Anh    | 30/09/2005 |         |
| 4   | 11D2 | 2.11      | 111504 | Nguyễn Phúc Hoài Ân    | 09/01/2005 |         |
| 5   | 11D2 | 2.10      | 111505 | Nguyễn Hà Giang        | 21/03/2005 |         |
| 6   | 11D2 | 2.11      | 111506 | Lê Gia Hân             | 19/07/2005 |         |
| 7   | 11D2 | 2.10      | 111507 | Lê Nguyễn Gia Hân      | 24/05/2005 |         |
| 8   | 11D2 | 2.11      | 111508 | Nguyễn Thị Thúy Hiền   | 06/01/2005 |         |
| 9   | 11D2 | 2.10      | 111509 | Hoàng Thị Ngọc Huyền   | 17/08/2005 |         |
| 10  | 11D2 | 2.11      | 111510 | Võ Chấn Hưng           | 25/04/2005 |         |
| 11  | 11D2 | 2.10      | 111511 | Trần Lý Tuấn Kha       | 19/11/2005 |         |
| 12  | 11D2 | 2.11      | 111512 | Lê Hữu Minh Khôi       | 16/08/2005 |         |
| 13  | 11D2 | 2.10      | 111513 | Đinh Hoàng Phương Linh | 24/07/2005 |         |
| 14  | 11D2 | 2.11      | 111514 | Nguyễn Thị Ngọc Mai    | 07/06/2005 |         |
| 15  | 11D2 | 2.10      | 111515 | Đặng Khánh Minh        | 01/09/2005 |         |
| 16  | 11D2 | 2.11      | 111516 | Lê Hoàng Ngọc Minh     | 18/05/2005 |         |
| 17  | 11D2 | 2.10      | 111517 | Hồ Khắc Quang Minh     | 04/06/2005 |         |
| 18  | 11D2 | 2.11      | 111518 | Nguyễn Quỳnh Ngân      | 17/11/2005 |         |
| 19  | 11D2 | 2.10      | 111519 | Nguyễn Hoàng Gia Nghi  | 16/07/2005 |         |
| 20  | 11D2 | 2.11      | 111520 | Vũ Huỳnh Gia Nghi      | 05/06/2005 |         |
| 21  | 11D2 | 2.10      | 111521 | Trịnh Mẫn Nghi         | 19/03/2005 |         |
| 22  | 11D2 | 2.11      | 111522 | Trần Hồ Bảo Ngọc       | 20/09/2005 |         |
| 23  | 11D2 | 2.10      | 111523 | Lê Ngọc Linh Nhi       | 30/06/2005 |         |
| 24  | 11D2 | 2.11      | 111524 | Trần Thị Hoàng Nhung   | 23/12/2005 |         |
| 25  | 11D2 | 2.10      | 111525 | Đặng Bảo Như           | 25/07/2005 |         |
| 26  | 11D2 | 2.11      | 111526 | Hoàng Diệu Uyển Như    | 06/05/2005 |         |
| 27  | 11D2 | 2.10      | 111527 | Lê Châu Mỹ Phước       | 05/10/2004 |         |
| 28  | 11D2 | 2.11      | 111528 | Thạch Mai Phương       | 30/05/2005 |         |
| 29  | 11D2 | 2.10      | 111529 | Nguyễn Uyên Phương     | 13/10/2005 |         |
| 30  | 11D2 | 2.11      | 111530 | Mẫn Thị Như Quỳnh      | 30/01/2005 |         |
| 31  | 11D2 | 2.10      | 111531 | Nguyễn Bùi Minh Tâm    | 04/10/2005 |         |
| 32  | 11D2 | 2.11      | 111532 | Phan Trần Giang Thanh  | 03/06/2005 |         |
| 33  | 11D2 | 2.10      | 111533 | Trần Thị Thanh Thảo    | 11/01/2005 |         |
| 34  | 11D2 | 2.11      | 111534 | Chế Anh Thư            | 06/06/2005 |         |
| 35  | 11D2 | 2.10      | 111535 | Nguyễn Lê Anh Thư      | 07/11/2005 |         |
| 36  | 11D2 | 2.11      | 111536 | Huỳnh Minh Thư         | 11/09/2005 |         |
| 37  | 11D2 | 2.10      | 111537 | Nguyễn Minh Thư        | 30/08/2005 |         |
| 38  | 11D2 | 2.11      | 111538 | Huỳnh Quang Đức Toàn   | 23/11/2005 |         |
| 39  | 11D2 | 2.10      | 111539 | Trần Bảo Trân          | 02/12/2005 |         |
| 40  | 11D2 | 2.11      | 111540 | Nguyễn Bùi Minh Tú     | 04/10/2005 |         |
| 41  | 11D2 | 2.10      | 111541 | Phan Anh Tuấn          | 18/08/2005 |         |
| 42  | 11D2 | 2.11      | 111542 | Bùi Trần Hà Việt       | 15/05/2005 |         |
| 43  | 11D2 | 2.10      | 111543 | Võ Lê Kiều Vy          | 18/05/2005 |         |
| 44  | 11D2 | 2.11      | 111544 | Phạm Thiên Xuân        | 21/10/2005 |         |
| 45  | 11D2 | 2.10      | 111545 | Phạm Thiều Mỹ Ý        | 03/06/2005 |         |

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)                | Ngày sinh  | Ghi chú  |
|-----|------|-----------|--------|--------------------------|------------|----------|
| 1   | 11D3 | 2.12      | 111601 | Nguyễn Huỳnh Anh         | 14/09/2005 |          |
| 2   | 11D3 | 2.13      | 111602 | Nguyễn Võ Quỳnh Anh      | 05/10/2005 |          |
| 3   | 11D3 | 2.12      | 111603 | Đỗ Phạm Thùy Anh         | 26/03/2005 |          |
| 4   | 11D3 | 2.13      | 111604 | Phạm Gia Bảo             | 29/07/2005 | Thôi học |
| 5   | 11D3 | 2.12      | 111605 | Nguyễn Phương Thúy Bình  | 18/01/2005 |          |
| 6   | 11D3 | 2.13      | 111606 | Nguyễn Ngọc Xuân Dung    | 15/04/2005 |          |
| 7   | 11D3 | 2.12      | 111607 | Nguyễn Bùi Bảo Duy       | 02/01/2005 |          |
| 8   | 11D3 | 2.13      | 111608 | Thái Bảo Duy             | 30/08/2005 |          |
| 9   | 11D3 | 2.12      | 111609 | Tạ Minh Đăng             | 07/10/2005 |          |
| 10  | 11D3 | 2.13      | 111610 | Hồ Nguyên Minh Hạnh      | 31/03/2005 |          |
| 11  | 11D3 | 2.12      | 111611 | Lê Minh Hân              | 26/10/2005 |          |
| 12  | 11D3 | 2.13      | 111612 | Bạch Thị Minh Hiền       | 14/12/2005 |          |
| 13  | 11D3 | 2.12      | 111613 | Nguyễn Phúc Hoàng        | 14/03/2005 |          |
| 14  | 11D3 | 2.13      | 111614 | Lâm Thụy Diễm Hương      | 04/01/2005 |          |
| 15  | 11D3 | 2.12      | 111615 | Lê Thị Quỳnh Hương       | 18/03/2005 |          |
| 16  | 11D3 | 2.13      | 111616 | Hoàng Nguyễn Gia Khiêm   | 13/01/2005 |          |
| 17  | 11D3 | 2.12      | 111617 | Ngô Minh Khoa            | 04/07/2005 |          |
| 18  | 11D3 | 2.13      | 111618 | Hoàng Ngọc Nhật Linh     | 16/09/2005 |          |
| 19  | 11D3 | 2.12      | 111619 | Nguyễn Thanh Thiên Lý    | 19/01/2005 |          |
| 20  | 11D3 | 2.13      | 111620 | Nguyễn Hùng Bảo Minh     | 16/11/2005 |          |
| 21  | 11D3 | 2.12      | 111621 | Lê Trần Phương Ngân      | 09/10/2005 |          |
| 22  | 11D3 | 2.13      | 111622 | Lê Ngọc Thảo Ngân        | 24/07/2005 |          |
| 23  | 11D3 | 2.12      | 111623 | Vũ Thị Khánh Ngọc        | 05/09/2005 |          |
| 24  | 11D3 | 2.13      | 111624 | Lê Minh Ngọc             | 18/06/2005 |          |
| 25  | 11D3 | 2.12      | 111625 | Nguyễn Thị Kim Nguyên    | 07/05/2005 |          |
| 26  | 11D3 | 2.13      | 111626 | Nguyễn Thanh Thảo Nguyên | 16/04/2005 |          |
| 27  | 11D3 | 2.12      | 111627 | Trần Huỳnh Tố Nguyên     | 09/05/2005 |          |
| 28  | 11D3 | 2.13      | 111628 | Nguyễn Trần Minh Nhật    | 27/10/2005 |          |
| 29  | 11D3 | 2.12      | 111629 | Lê Huỳnh Phương Phương   | 01/01/2005 |          |
| 30  | 11D3 | 2.13      | 111630 | Lâm Quỳnh Phương         | 06/01/2005 |          |
| 31  | 11D3 | 2.12      | 111631 | Trịnh Nguyễn Ngọc Quý    | 25/06/2005 |          |
| 32  | 11D3 | 2.13      | 111632 | Nguyễn Đan Quỳnh         | 11/02/2005 |          |
| 33  | 11D3 | 2.12      | 111633 | Lê Tất Thành             | 16/06/2004 |          |
| 34  | 11D3 | 2.13      | 111634 | Nguyễn Trần Thành        | 21/09/2005 |          |
| 35  | 11D3 | 2.12      | 111635 | Bùi Phương Thảo          | 11/09/2005 |          |
| 36  | 11D3 | 2.13      | 111636 | Lê Ngọc Anh Thư          | 17/08/2005 |          |
| 37  | 11D3 | 2.12      | 111637 | Võ Nguyễn Anh Thư        | 11/06/2005 |          |
| 38  | 11D3 | 2.13      | 111638 | Nguyễn Phạm Anh Thư      | 05/10/2005 |          |
| 39  | 11D3 | 2.12      | 111639 | Trịnh Thanh Trang        | 09/08/2005 |          |
| 40  | 11D3 | 2.13      | 111640 | Trần Uyên Trang          | 24/03/2005 |          |
| 41  | 11D3 | 2.12      | 111641 | Võ Khánh Trúc            | 06/03/2005 |          |
| 42  | 11D3 | 2.13      | 111642 | Phạm Minh Tuấn           | 13/02/2005 |          |
| 43  | 11D3 | 2.12      | 111643 | Nguyễn Lê Vy             | 08/10/2005 |          |
| 44  | 11D3 | 2.13      | 111644 | Lê Hà Tường Vy           | 08/01/2005 |          |
| 45  | 11D3 | 2.12      | 111645 | Phùng Như Yến Vy         | 16/09/2005 |          |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)              | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 11LH | 2.14      | 111701 | Nguyễn Huỳnh Gia Bảo   | 27/07/2005 |         |
| 2   | 11LH | 2.14      | 111702 | Nguyễn Mạnh Cường      | 14/04/2005 |         |
| 3   | 11LH | 2.14      | 111703 | Trần Bích Duyên        | 14/02/2005 |         |
| 4   | 11LH | 2.14      | 111704 | Lê Nguyễn Tấn Đạt      | 13/07/2005 |         |
| 5   | 11LH | 2.14      | 111705 | Phạm Quốc Đăng Khoa    | 27/02/2005 |         |
| 6   | 11LH | 2.14      | 111706 | Nguyễn Trần Thảo Linh  | 13/08/2005 |         |
| 7   | 11LH | 2.14      | 111707 | Bùi Tiến Long          | 14/09/2005 |         |
| 8   | 11LH | 2.14      | 111708 | Vũ Anh Minh            | 19/08/2005 |         |
| 9   | 11LH | 2.14      | 111709 | Lê Thịnh Phiên         | 29/10/2005 |         |
| 10  | 11LH | 2.14      | 111710 | La Quang Thúc          | 28/02/2005 |         |
| 11  | 11LH | 2.14      | 111711 | Võ Nhật Trường         | 03/05/2005 |         |
| 12  | 11LH | 2.14      | 111712 | Nguyễn Thị Thùy Vy     | 30/10/2005 |         |
| 13  | 11LH | 2.15      | 111713 | Nguyễn Ngọc Lan Anh    | 06/05/2005 |         |
| 14  | 11LH | 2.15      | 111714 | Trần Vũ Tuấn Anh       | 01/02/2005 |         |
| 15  | 11LH | 2.15      | 111715 | Nguyễn Thái Bình       | 19/10/2005 |         |
| 16  | 11LH | 2.15      | 111716 | Nguyễn Thị Hương Giang | 21/01/2005 |         |
| 17  | 11LH | 2.15      | 111717 | Hoàng Ngọc Hải         | 03/01/2005 |         |
| 18  | 11LH | 2.15      | 111718 | Hà Thị Thu Hiền        | 01/08/2005 |         |
| 19  | 11LH | 2.15      | 111719 | Đoàn Lê Gia Huy        | 22/07/2005 |         |
| 20  | 11LH | 2.15      | 111720 | Lê Tuấn Hưng           | 23/01/2005 |         |
| 21  | 11LH | 2.15      | 111721 | Phạm Đăng Khoa         | 01/07/2005 |         |
| 22  | 11LH | 2.15      | 111722 | Nguyễn Phạm Minh Khôi  | 28/10/2005 |         |
| 23  | 11LH | 2.15      | 111723 | Tổng Ngọc Trung Kiên   | 08/12/2005 |         |
| 24  | 11LH | 2.15      | 111724 | Cao Vũ Hoàng Long      | 07/05/2005 |         |
| 25  | 11LH | 2.15      | 111725 | Trần Trịnh Khánh Ly    | 06/05/2005 |         |
| 26  | 11LH | 2.15      | 111726 | Nguyễn Thanh Mai       | 22/02/2005 |         |
| 27  | 11LH | 2.15      | 111727 | Nguyễn Lê Đăng Minh    | 18/08/2005 |         |
| 28  | 11LH | 2.15      | 111728 | Nguyễn Bích Hà My      | 23/09/2005 |         |
| 29  | 11LH | 2.15      | 111729 | Nguyễn Đỗ Nguyên       | 26/03/2005 |         |
| 30  | 11LH | 2.15      | 111730 | Nguyễn Trọng Nhân      | 11/07/2005 |         |
| 31  | 11LH | 2.15      | 111731 | Chung Bảo Quyền        | 29/09/2005 |         |
| 32  | 11LH | 2.15      | 111732 | Nguyễn Trần Mai Quyền  | 15/03/2005 |         |
| 33  | 11LH | 2.15      | 111733 | Tôn Hoàng Thái Sơn     | 13/03/2005 |         |
| 34  | 11LH | 2.15      | 111734 | Nguyễn Đức Tâm         | 05/07/2005 |         |
| 35  | 11LH | 2.15      | 111735 | Trần Thiện Thanh       | 19/08/2005 |         |
| 36  | 11LH | 2.15      | 111736 | Nguyễn Phương Thảo     | 10/05/2005 |         |
| 37  | 11LH | 2.15      | 111737 | Kiều Minh Thy          | 28/08/2005 |         |
| 38  | 11LH | 2.15      | 111738 | Phan Thủy Trúc         | 07/11/2005 |         |
| 39  | 11LH | 2.15      | 111739 | Đồng Huy Tuấn          | 26/10/2005 |         |
| 40  | 11LH | 2.15      | 111740 | Lại Nguyễn Mạnh Tuấn   | 05/11/2005 |         |

## TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

## DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 1

| STT | Lớp  | Phòng thi | SBD    | Họ Tên(*)               | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|------|-----------|--------|-------------------------|------------|---------|
| 1   | 11TH | 2.16      | 111801 | Nguyễn Thanh An         | 29/01/2005 |         |
| 2   | 11TH | 2.16      | 111802 | Tần Chính Doanh         | 29/12/2005 |         |
| 3   | 11TH | 2.16      | 111803 | Trần Gia Huy            | 05/03/2005 |         |
| 4   | 11TH | 2.16      | 111804 | Lê Khanh                | 27/09/2005 |         |
| 5   | 11TH | 2.16      | 111805 | Trần Long Bảo Khánh     | 08/04/2005 |         |
| 6   | 11TH | 2.16      | 111806 | Võ Trần Kim Khánh       | 24/08/2005 |         |
| 7   | 11TH | 2.16      | 111807 | Huỳnh Anh Kiệt          | 03/02/2005 |         |
| 8   | 11TH | 2.16      | 111808 | Nguyễn Phương Minh      | 05/02/2005 |         |
| 9   | 11TH | 2.16      | 111809 | Lê Hải Ngân             | 04/03/2005 |         |
| 10  | 11TH | 2.16      | 111810 | Dương Xuân Ngân         | 11/02/2005 |         |
| 11  | 11TH | 2.16      | 111811 | Nguyễn Nhật Đông Phố    | 26/11/2005 |         |
| 12  | 11TH | 2.16      | 111812 | Đoàn Nguyễn Phước Thịnh | 10/08/2005 |         |
| 13  | 11TH | 2.16      | 111813 | Lê Vũ Đan Thy           | 06/07/2005 |         |
| 14  | 11TH | 2.16      | 111814 | Cao Hoàng Việt          | 19/04/2005 |         |